

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/5/2024		●	
Tuần 20/5-24/5/2024		●	
Tháng 05/2024		●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục di chuyển lên giao dịch trong vùng 1,275 – 1,285 trong ngày hôm nay. Sau một ngày giằng co tại vùng này, chỉ số kết phiên tại mốc 1,277.58 điểm, tăng hơn 4 điểm so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 11/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Tài nguyên cơ bản,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Chỉ số có thể sẽ tiếp tục tiến lên vùng kháng cự 1,285 – 1,300 trong tuần này, tuy nhiên có thể sẽ gặp phải áp lực chốt lời tại đây sau nhịp phục hồi.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 20/05/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+4.47** điểm, đóng cửa tại **1277.58** điểm. HNX-Index **+1.03** điểm, đóng cửa tại **242.57** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BCM (+1.11)**, **VPB (+0.79)**, **HPG (+0.58)**, **HDB (+0.40)**, **BID (+0.35)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.46)**, **VHM (-0.42)**, **VJC (-0.36)**, **VNM (-0.30)**, **DGC (-0.15)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **23,311** tỷ đồng, tăng **14.01%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27,616 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 7.83 điểm. Thị trường có **264** mã tăng, **69** mã tham chiếu, **174** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-820.43** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-204.97 tỷ)**, **VNM (-152.78 tỷ)**, **MWG (-105.64 tỷ)**, **VPB (-90.40 tỷ)**, **HPG (-71.35 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-55.46** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.15%**. Các mã diễn biến tích cực: **VPB (+2.06%)**, **HPG (+1.27%)**, **MSN (+1.19%)**.
- BSC50 **+0.79%**. Các mã diễn biến tích cực: **HDG (+6.83%)**, **VSC (+4.43%)**, **EIB (+4.23%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.15%	0.79%	0.35%	0.18%
1 tuần	3.21%	3.62%	2.65%	2.96%
1 tháng	0.24%	0.60%	-0.11%	-0.16%
3 tháng	5.49%	0.51%	1.42%	3.35%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,277.58	242.57	93.53
% 1D	0.35%	0.43%	0.49%
GTGD (tỷ VND)	23,311	1,927	1,164
%1D	14.01%	-0.16%	11.03%
GDNN (tỷ VND)	-820.43	-55.46	-139.70

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DBC	165.07	VHM	-204.97
EIB	44.56	VNM	-152.78
FUEVFNVD	41.50	MWG	-105.64
NKG	40.55	VPB	-90.40
HVN	38.19	HPG	-71.35

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,303	0.12%	1.54%
FTSE100	8,441	0.25%	0.31%
Eurostoxx	5,070	0.11%	-0.18%
Shanghai	3,171	0.54%	0.73%
Nikkei	39,089	0.83%	2.42%

Nguồn: Bloomberg

Giá trị %

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	84.38	0.50%
Giá vàng	2,437	1.03%

Tỷ giá

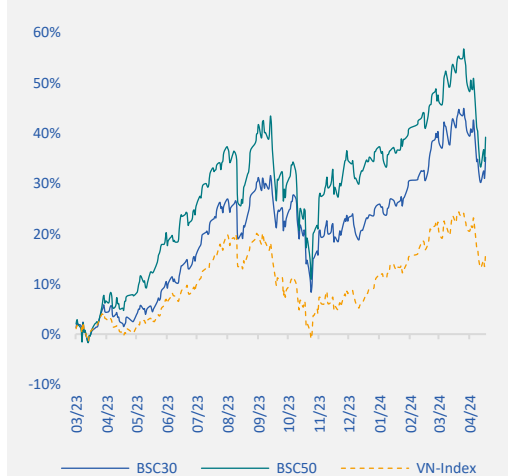
USD/VND	25,459	0.04%
EUR/VND	28,431	0.04%
JPY/VND	167	0.00%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	2.8%	0.01%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



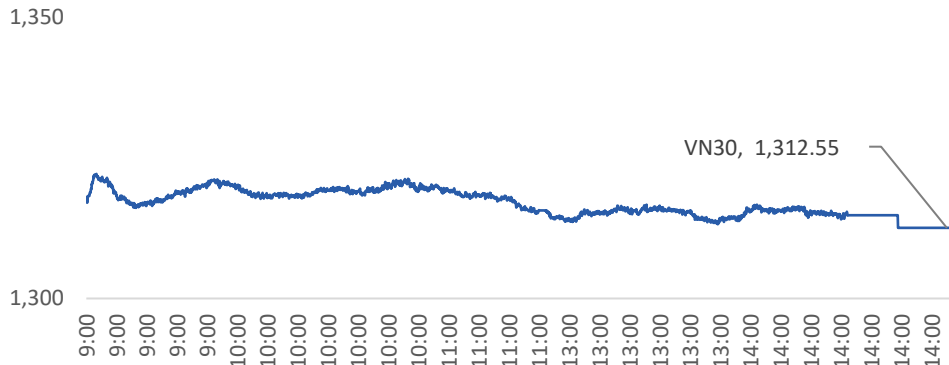
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1313.5	0.21%	24	-61.29%	9/19/2024	122
VN30F2412	1317.7	0.50%	17	-60.5%	12/19/2024	213
VN30F2407	1312.1	0.25%	308	108.11%	7/18/2024	59
VN30F2406	1310.1	0.17%	156958	-10.92%	6/20/2024	31

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +2.40 điểm, đóng cửa tại 1312.55 điểm. Biên độ dao động 11.98 điểm. Các cổ phiếu như VPB, HPG, HDB, MSN, MBB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 mất đà tăng trong phiên chiều, chỉ số kết phiên tăng 0.18%. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2407, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2412,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVIC2312	7/5/2024	46	29,200	18.30%	52.35	290	26.1%	0.04	55.25	46.70	46.70
CVIC2306	6/26/2024	37	49,900	35.81%	62.22	150	15.4%	0.00	63.42	46.70	46.70
CVHM2316	7/5/2024	46	8,000	29.43%	51.23	140	0.0%	0.00	52.35	40.45	40.45
CVRE2303	5/24/2024	4	702,600	9.67%	25.00	20	0.0%	0.00	25.06	22.85	22.85
CNVL2305	6/26/2024	37	12,000	25.03%	17.00	220	0.0%	0.01	17.88	14.30	14.30
CVNM2315	1/6/2025	231	174,300	39.22%	87.11	1,360	-2.9%	0.17	92.44	66.40	66.40
CVNM2306	6/26/2024	37	6,000	11.14%	71.71	220	-4.3%	0.05	73.79	66.40	66.40
CVRE2315	10/9/2024	142	908,700	38.99%	30.00	220	-4.3%	0.05	31.76	22.85	22.85
CVRE2313	8/5/2024	77	36,900	32.60%	29.50	200	-4.8%	0.04	30.30	22.85	22.85
CVNM2310	8/9/2024	81	92,000	20.87%	78.40	190	-5.0%	0.03	80.26	66.40	66.40
CVNM2314	10/7/2024	140	903,200	32.60%	85.15	370	-5.1%	0.04	88.05	66.40	66.40
CVHM2313	10/9/2024	142	171,700	32.01%	50.00	340	-5.6%	0.08	53.40	40.45	40.45
CSTB2331	7/5/2024	46	81,100	25.61%	35.00	110	-8.3%	0.03	35.55	28.30	28.30
CVHM2318	1/6/2025	231	11,000	43.53%	53.46	920	-8.9%	0.20	58.06	40.45	40.45
CVHM2311	8/5/2024	77	389,000	50.80%	60.50	100	-9.1%	0.00	61.00	40.45	40.45
CVHM2317	10/7/2024	140	101,200	34.75%	52.35	270	-12.9%	0.06	54.51	40.45	40.45
CPOW2306	6/26/2024	37	263,200	41.84%	16.00	50	-16.7%	0.00	16.10	11.35	11.35
CVRE2318	7/5/2024	46	102,400	37.76%	31.00	120	-20.0%	0.00	31.48	22.85	22.85
CVHM2307	6/26/2024	37	119,700	55.52%	62.67	30	-25.0%	0.00	62.91	40.45	40.45
CVHM2302	5/24/2024	4	286,800	23.81%	50.00	20	-33.3%	0.00	50.08	40.45	40.45

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 20/05/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2401 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 32.35%. CMWG2313 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 18.54%.
- CVHM2307, CVHM2311, CVRE2320, CVHM2318, và CVRE2308 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2401, CTCB2302, CMWG2305, CFPT2310, và CTCB2312 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VPB	19.80	2.06%	1.83
HPG	32.00	1.27%	1.22
HDB	24.85	2.26%	1.15
MSN	76.40	1.19%	0.61
MBB	23.45	0.86%	0.55

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	133.00	-1.12%	-1.50
VJC	114.60	-2.39%	-0.77
VHM	40.45	-0.98%	-0.49
VNM	66.40	-0.90%	-0.47
SHB	11.85	-1.25%	-0.43

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BCM	58.80	6.97%	1.10	2.05
VPB	25.20	3.92%	0.18	68.95
HPG	31.60	1.27%	0.57	46.80
HDB	24.30	2.26%	0.40	27.09
BID	49.35	0.51%	0.35	2.19

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	51.30	5.07%	2.45	0.23
NTP	42.80	9.81%	2.29	0.19
BAB	12.20	4.10%	1.79	0.05
KSV	33.90	5.90%	1.62	0.11
VC7	12.50	9.60%	0.48	1.80

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BAF	22.10	67.66%	0.88	6.68
BWE	41.65	12.22%	0.27	0.73
DXS	7.30	6.99%	0.08	8.98
MIG	17.20	6.98%	0.05	1.20
BCM	58.80	6.97%	1.10	2.05

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HGM	50.00	10.00%	0.25	0.00
HAT	40.00	10.00%	0.05	0.01
API	6.00	10.00%	0.21	2.02
HTC	23.20	9.91%	0.16	0.00
TKU	16.30	9.82%	0.32	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	134.50	-1.12%	-0.46	3.14
VHM	40.85	-0.98%	-0.42	9.54
VJC	117.40	-2.39%	-0.36	1.01
VNM	67.00	-0.90%	-0.30	4.94
DGC	126.20	-1.27%	-0.15	3.42

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	45.50	-1.76%	-1.44	6.30
DTK	12.70	-3.94%	-1.26	0.01
VIF	16.20	-2.47%	-0.52	0.01
KSF	40.40	-0.74%	-0.34	0.02
PGS	33.30	-3.90%	-0.24	0.00

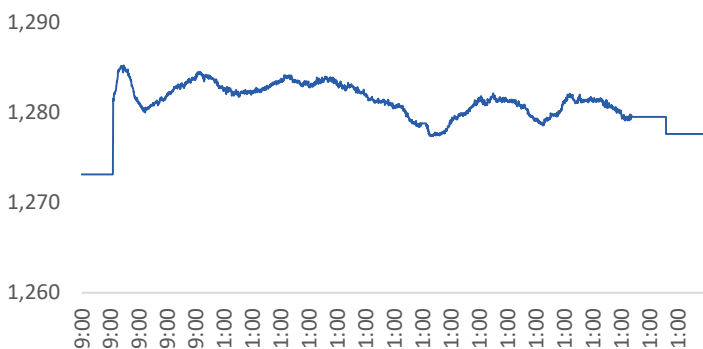
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SSC	36.00	-6.94%	-0.01	0.00
YBM	10.90	-6.42%	0.00	0.00
HVH	6.84	-6.14%	0.00	1.07
SPM	12.35	-5.26%	0.00	0.00
DAG	2.84	-4.93%	0.00	1.08

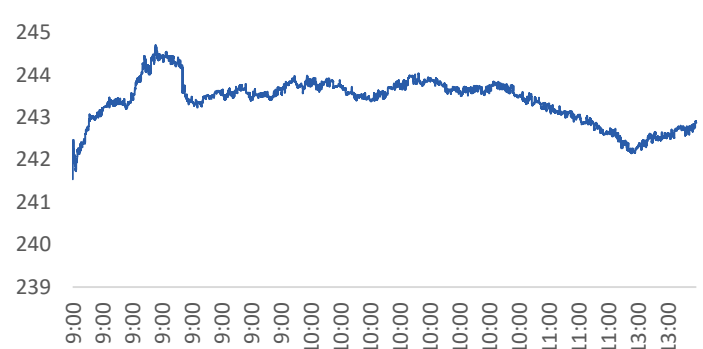
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SMN	13.20	-9.85%	-0.02	0.00
ALT	15.90	-9.43%	-0.03	0.01
ATS	13.80	-8.70%	-0.01	0.00
TXM	6.40	-7.81%	-0.01	0.16
NBW	28.40	-7.75%	-0.08	0.00

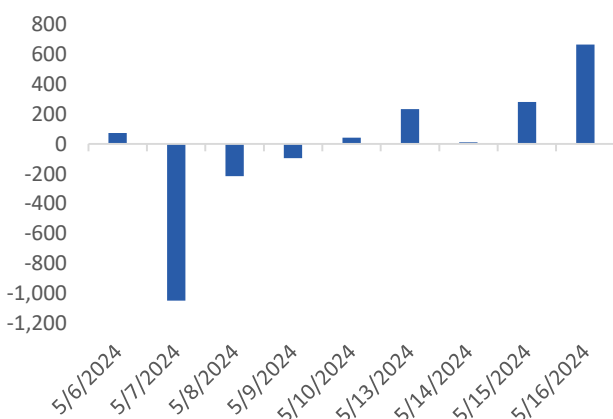
Hình 1
HSX-Index Intraday



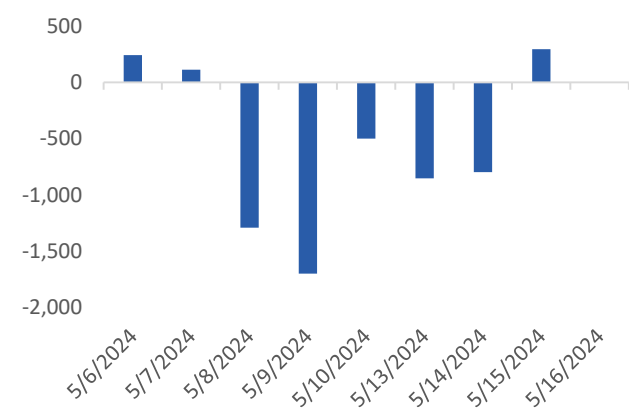
Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	91.9	0.10%	0.6	20,197	3.8	5,838	15.7	-	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	49.6	0.50%	1.0	11,118	4.3	3,841	12.9	-	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.8	2.10%	1.0	6,177	19.7	1,397	14.2	-	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	49.7	-0.10%	1.1	6,884	18.2	5,600	8.9	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	23.4	0.90%	1.0	4,875	16.5	3,818	6.1	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.3	-0.70%	1.0	2,098	11.3	4,206	6.7	-	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	33.4	0.80%	1.2	7,042	15.9	3,751	8.9	-	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	28.2	0.00%	0.8	4,315	10.4	4,072	6.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	36.6	0.70%	1.3	2,175	28.7	1,704	21.5	-	43.2%	Link
IDC	Xây dựng	62.7	0.00%	1.2	814	5.4	5,880	10.7	65,700	17.6%	Link
HPG	VLXD	32.0	1.30%	1.2	7,317	58.5	1,601	20.0	41,500	24.5%	Link
HSG	VLXD	22.0	0.50%	1.6	532	9.9	1,423	15.4	-	22.1%	Link
VHM	BDS	40.4	-1.00%	1.1	6,926	15.2	5,074	8.0	108,300	22.4%	Link
KDH	BDS	36.9	0.00%	1.4	1,160	4.4	726	50.9	44,500	38.0%	Link
NLG	BDS	43.6	-0.80%	1.5	660	5.0	1,040	42.0	-	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	124.6	-1.30%	1.5	1,861	16.7	7,845	15.9	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	36.8	-1.20%	1.3	767	6.1	2,313	15.9	46,100	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	76.0	0.40%	0.6	6,864	3.3	4,688	16.2	-	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	44.7	-1.80%	0.9	840	11.1	1,992	22.4	-	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	32.4	-0.80%	1.2	707	7.4	1,200	27.0	38,400	23.3%	Link
POW	Dầu khí	11.4	0.90%	0.7	1,045	4.4	350	32.5	17,100	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	76.0	0.40%	1.2	671	5.9	3,774	20.1	108,500	32.2%	Link
GMD	Logistics	83.9	-1.10%	0.9	1,024	5.4	8,430	10.0	90,400	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	66.4	-0.90%	0.6	5,457	12.8	4,408	15.1	93,100	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	76.4	1.20%	1.3	4,523	23.6	215	354.8	-	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	60.0	0.70%	1.5	3,450	21.7	717	83.7	-	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	97.4	-1.70%	1.0	1,281	5.3	5,860	16.6	112,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	64.0	0.00%	1.9	420	5.5	2,200	29.1	66,600	23.4%	Link
FPT	Bán lẻ	133.0	-1.10%	0.9	6,642	10.5	5,335	24.9	107,900	49.0%	Link
CTR	Hạ tầng	131.0	-2.50%	1.1	589	4.2	4,582	28.6	-	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.8	2.30%	0.9	2,846	10.3	3,809	6.5	1.5	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	22.5	0.90%	1.2	2,244	6.6	3,315	6.8	1.5	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.4	0.30%	1.3	1,597	10.0	2,050	9.0	1.2	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.4	1.00%	1.2	1,136	3.2	2,310	6.3	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.5	4.20%	1.1	1,266	19.3	1,147	16.1	1.4	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	29.4	-0.20%	1.6	815	9.9	1,175	25.1	2.4	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	50.2	2.00%	1.7	864	18.1	1,409	35.6	2.7	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	21.7	-0.90%	1.6	1,039	12.3	2,057	10.5	1.5	22.6%	13.1%
BSI	Chứng khoán	58.0	-0.30%	1.8	462	1.9	2,208	26.3	2.4	40.4%	9.0%
SHS	Chứng khoán	19.6	0.00%	1.7	627	15.1	1,076	18.2	1.5	13.2%	5.7%
CTD	Xây dựng	70.7	0.00%	1.2	278	3.8	2,709	26.1	0.8	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	13.4	1.90%	1.5	217	3.8	833	16.1	0.6	6.7%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.2	1.20%	1.5	93	1.8	655	18.7	0.9	2.1%	4.6%
SZC	Xây dựng	43.7	1.00%	1.2	309	4.2	1,514	28.9	2.6	3.2%	13.4%
SIP	Xây dựng	91.9	1.90%	1.3	657	1.2	5,701	16.1	3.9	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	60.0	-0.70%	1.1	320	1.0	3,448	17.4	2.1	15.8%	18.3%
DIG	BĐS	29.0	-0.70%	1.8	697	16.3	(38)	-756.7	2.3	5.2%	2.1%
CEO	BĐS	19.2	-0.50%	1.3	389	5.6	312	61.6	1.6	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	31.0	0.60%	1.6	936	7.1	1,262	24.6	1.2	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	55.0	0.00%	1.3	970	1.2	2,746	20.0	2.5	5.4%	12.5%
GVR	BĐS KCN	33.6	0.70%	1.5	5,285	7.2	628	53.5	2.4	0.3%	6.2%
NKG	VLXD	25.2	1.60%	1.6	261	11.3	1,222	20.6	1.2	16.0%	2.3%
BMP	Vật liệu	111.4	-1.20%	1.0	359	1.3	11,594	9.6	3.2	85.9%	39.1%
IJC	Hạ tầng	15.1	4.10%	1.5	224	6.3	865	17.5	1.3	5.9%	10.3%
DXG	BĐS	17.4	0.00%	1.9	493	6.4	420	41.4	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	22.8	-1.10%	1.2	2,042	5.4	1,966	11.6	1.3	31.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	25.8	-1.00%	1.8	886	7.7	964	26.8	2.0	7.4%	7.2%
DIG	Bất động sản	29.0	-0.70%	1.8	697	16.3	(38)	-756.7	2.3	5.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	17.5	0.60%	1.4	614	2.1	73	239.5	1.4	1.6%	0.7%
C4G	Xây dựng	10.1	0.00%	1.4	-	0.3	433	23.3	1.0	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	64.5	0.30%	1.6	112	1.6	4,370	14.8	1.9	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	40.7	-0.50%	1.1	129	0.8	3,461	11.8	1.7	35.8%	17.2%
DRC	Cao su	33.5	0.30%	0.7	156	1.4	2,286	14.7	2.1	13.6%	13.2%
PC1	Điện	28.4	2.30%	1.3	347	9.0	651	43.5	1.2	8.5%	4.1%
HDG	BĐS	31.3	6.80%	1.4	376	14.9	2,061	15.2	1.3	22.8%	12.9%
GEX	Điện	23.3	1.70%	1.9	780	17.3	625	37.3	0.9	12.6%	4.1%
QTP	Điện	16.8	-1.20%	0.6	-	0.4	1,549	10.8	1.4	1.2%	10.8%
PLX	O&G	38.0	0.10%	1.0	1,899	2.4	2,570	14.8	1.6	17.1%	10.7%
BSR	O&G	19.9	1.50%	1.1	-	6.6	2,588	7.7	1.1	0.8%	15.6%
PLC	O&G	29.6	1.70%	1.5	94	0.5	1,112	26.6	1.8	1.2%	8.4%
ANV	Thủy sản	31.9	2.10%	1.4	167	2.9	(252)	-126.3	1.5	3.0%	1.5%
PTB	Gỗ	69.3	-2.30%	0.7	182	1.5	4,765	14.5	1.7	20.9%	10.6%
VSC	Logistics	22.4	4.40%	1.4	235	5.9	532	42.1	1.8	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	44.0	2.10%	1.4	183	10.4	3,081	14.3	1.4	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	83.7	-1.40%	1.3	401	5.1	2,980	28.1	6.2	9.4%	25.6%
DBC	Logistics	34.6	3.40%	1.7	329	18.8	1,729	20.0	1.8	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	164.6	-0.70%	0.8	882	6.4	(2,548)	-64.6	11.0	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.3	-1.00%	0.7	-	1.6	6,737	7.2	2.0	15.5%	27.3%
TNG	Dệt may	26.3	3.50%	1.2	117	4.2	1,981	13.3	1.6	18.6%	12.5%
PVT	O&G	29.2	-1.70%	0.9	408	8.6	3,150	9.3	1.0	12.3%	14.3%
DPM	Phân bón	35.0	-0.10%	1.2	539	4.6	1,372	25.6	1.2	10.0%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639